

Bản án số: **36/2021/HN-ST**

Ngày: 05/05/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Bình

2. Bà Mai Thị Nhắc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia
phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 05 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam,
tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số:
38/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2021 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXX-ST ngày 31 tháng 03
năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2021/QĐST-HN ngày 16 tháng 04 năm
2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu G, sinh năm 1992 (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1986; (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 04/02/2021, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án
nguyên đơn anh Nguyễn Hữu G trình bày:*

Về hôn nhân: Vợ chồng anh quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân,
không có đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Môn, huyện Thới
Lai, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ sống tại Trà Nóc
khoảng 02 năm, sau đó về nhà anh tại ấp Định Hòa B, xã Định Môn, huyện Thới Lai

sống 01 năm, rồi vợ chồng lên Trà Nóc sống khoảng 01 năm, đến cuối năm 2017 lên Bình Dương sống.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 10 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do có thời gian anh làm ăn không có tiền chị D nói anh ở nhà giữ con chị đi làm, nhưng chị D bỏ nhà đi luôn. Anh có đi tìm chị D thì phát hiện chị D chung sống với người khác nhưng anh vẫn tha thứ cho chị D rồi vợ chồng về chung sống với nhau. Tháng 11 năm 2020 thì chị D bỏ nhà đi luôn cho đến nay, anh không liên lạc được với chị D. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị D không tôn trọng anh.

Vợ chồng bắt đầu ly thân từ khoảng tháng 11 năm 2020 cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không có gặp gỡ hàn gắn về việc cả hai sẽ về chung sống cùng nhau và nhận thấy vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai không thể sống hòa hợp được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn với chị D.

Về con chung: Có 01 con chung cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 17/10/2016, con hiện đang sống với anh, khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm văn phòng hành chính công việc ổn định, lương hàng tháng khoảng 16.000.000 đồng, anh đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị Lê Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Anh Nguyễn Hữu G là nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị Lê Thị D là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt anh G, chị D.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hữu G.

Con chung: Vợ chồng anh G chị D có 01 con chung cháu Nguyễn Gia Bảo sinh ngày 17/10/2016 con hiện nay đang sống với anh G, do đó để đảm bảo cho sự phát triển ổn định, bình thường của con nên cần giao con chung cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh G không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu, đề nghị không giải quyết.

Nợ chung: Không có, đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Hữu G thì quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn Hữu G là nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị Lê Thị D là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và không có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh G, chị D.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của anh Nguyễn Hữu G và chị Lê Thị D là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Môn, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Anh G yêu cầu được ly hôn với chị D. Anh cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị D không tôn trọng anh, chị có quen người đàn ông khác rồi bỏ nhà đi, anh đã khuyên chị D nhưng chị không về chung sống. Vợ chồng bắt đầu ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng không có gặp gỡ nhau để hàn gắn tình cảm.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh G và chị D là có thật, anh chị thường xuyên cãi vã, không còn tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và tôn trọng lẫn nhau, anh chị đã có thời gian sống ly thân nhưng không thể hàn gắn tình cảm được. Tòa án đã triệu tập chị D nhiều lần đến Tòa để hòa giải với anh G, tuy nhiên chị D không đến và cũng không có ý kiến trình bày, điều đó chứng minh chị D cũng không có thiện chí đoàn tụ. Xét mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh G với chị D là đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống anh G, chị D có 01 con chung cháu Nguyễn Gia Bảo sinh ngày 17/10/2016 từ khi anh chị ly thân cháu Bảo vẫn sống với anh G, hiện nay công việc của anh G là nhân viên văn phòng có thu nhập hàng tháng ổn định. Do đó, để đảm bảo môi trường phát triển ổn định, bình thường của con nên cần giao cháu Bảo cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh G không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị D không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Anh G trình bày không có và chị D không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng, anh G phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hữu G.

Cụ thể tuyên:

1. Anh Nguyễn Hữu G được ly hôn với chị Lê Thị D.

2. Về con chung: Khi ly hôn giao cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 17/10/2016 cho anh Nguyễn Hữu G trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh G không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị D không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Anh G trình bày không có và chị D không có lời trình bày nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Nguyễn Hữu G phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005886 ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo

được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs, Vp).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Ngọc Yên